

PHÒNG GD&ĐT.....
TRƯỜNG THCS

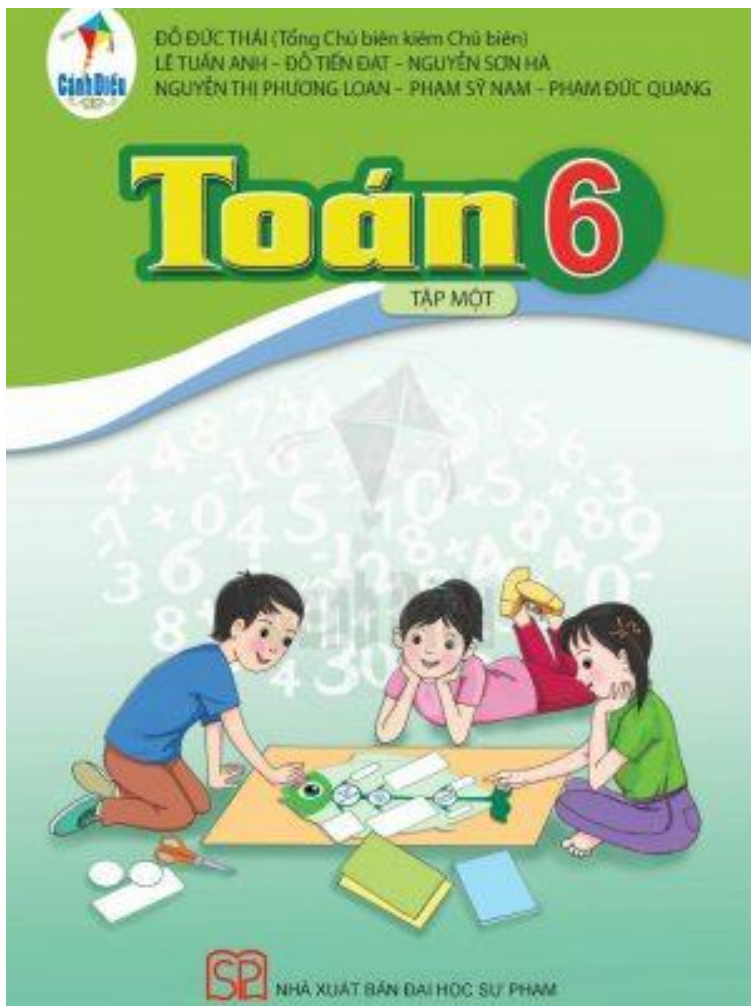


ĐẠI SỐ 6



Giáo viên:.....

GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA

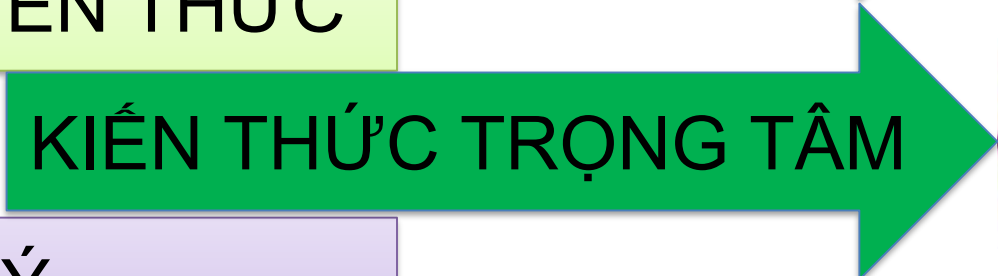


 **BIỂU TƯỢNG
DÙNG TRONG SÁCH**

  **CÂU HỎI KHỞI ĐỘNG**

 **HOẠT ĐỘNG** 

  **KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

 **KIẾN THỨC TRỌNG TÂM** 

  **LƯU Ý**

 **LUYỆN TẬP VẬN DỤNG** 

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

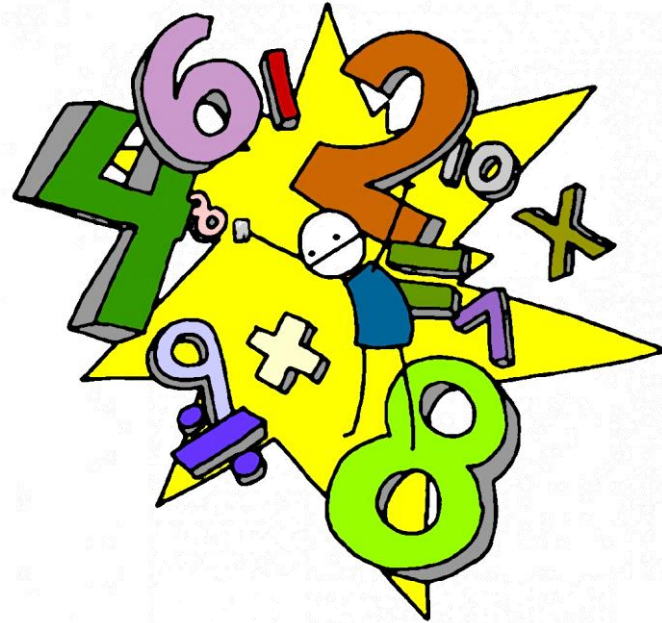
THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	TRANG
bội	khi m chia hết cho n ($n \neq 0$), ta nói m là bội của n	30, 86
bội chung	số tự nhiên n được gọi là bội chung của hai số a và b nếu n vừa là bội của a vừa là bội của b	53
bội chung nhỏ nhất	số nhỏ nhất khác 0 trong các bội chung của a và b được gọi là bội chung nhỏ nhất của a và b	53
hai số nguyên tố cùng nhau	hai số có ước chung lớn nhất bằng 1	50
hợp số	số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước	41
lũy thừa	lũy thừa bậc n ($n \in \mathbb{N}^*$) của a , kí hiệu a^n , là tích của n thừa số a	22
phân số tối giản	phân số có tử và mẫu là hai số nguyên tố cùng nhau	50
số đối của một số nguyên	trên trục số, hai số nguyên (phân biệt) có điểm biểu diễn nằm về hai phía của gốc 0 và cách đều gốc 0 được gọi là hai số đối nhau	66
số nguyên âm	các số $-1, -2, -3, \dots$ là các số nguyên âm. Số nguyên âm được nhận biết bằng dấu “-” ở trước số tự nhiên khác 0	61
số nguyên dương	số tự nhiên khác 0 còn được gọi là số nguyên dương	64
số nguyên tố	số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó	41
tập hợp các số nguyên	gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương	64
tập hợp các số tự nhiên	gồm các số: 0, 1, 2, 3, 4, ...	9
ước	khi m chia hết cho n ($n \neq 0$), ta nói n là ước của m	30, 86
ước chung	số tự nhiên n được gọi là ước chung của hai số a và b nếu n vừa là ước của a vừa là ước của b	47
ước chung lớn nhất	số lớn nhất trong các ước chung của a và b được gọi là ước chung lớn nhất của a và b	47
ước nguyên tố	số nguyên tố p là ước của số tự nhiên a thì p được gọi là ước nguyên tố của a	42

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

TỪ NGỮ	TRANG	TỪ NGỮ	TRANG
B	biểu diễn số tự nhiên 11	P	phép cộng các số tự nhiên 16
	biểu diễn số nguyên 68		phép nâng lên lũy thừa 23
	biểu đồ Ven 9		phép nhân các số nguyên 83
	binh phương 23		phép nhân các số tự nhiên 19
C	cầu tạo thập phân của số tự nhiên 11		phép trừ số nguyên 79
	chia hai lũy thừa cùng cơ số 25		phép trừ số tự nhiên 17
	chu vi và diện tích của hình bình hành 103	Q	quan hệ chia hết 31, 89
	chu vi và diện tích của hình chữ nhật 99		quy đồng mẫu hai phân số 57
	chu vi và diện tích của hình vuông 95		quy tắc dấu ngoặc 80
	chu vi và diện tích của hình thoi 100	R	rút gọn phân số 51
	cộng, trừ các phân số không cùng mẫu 57		sàngƠ-ra-tô-xten 44
	cơ số 23		so sánh hai số nguyên 70
D	dấu hiệu chia hết cho 2 36		so sánh các số tự nhiên 13
	dấu hiệu chia hết cho 3 39	S	số bị chia 20
	dấu hiệu chia hết cho 4 38		số bị trừ 17
	dấu hiệu chia hết cho 5 37		số chia 20
	dấu hiệu chia hết cho 9 40		số dư 21
	hiệu 17		số La Mã 12, 15
H	hình bình hành 102		số mũ 23
	hình chữ nhật 98		số nguyên 67
	hình có tâm đối xứng 111		số trừ 17
	hình có trục đối xứng 108		tam giác đều 93
	hình thang cân 105		tâm đối xứng 111
	hình thoi 99		tập hợp 6
	hình vuông 94		thuật toánƠ-clit 53
L	lập phương 23		thương 20
	lich Can Chi 59		thừa số 19
	lục giác đều 96		thừa số phụ 57
M	mẫu chung 57	T	thứ tự thực hiện các phép tính 27
N	nhân hai lũy thừa cùng cơ số 24		tia số 11
	nhân hai số có nhiều chữ số 19		tích 19
	phân tích một số ra thừa số nguyên tố 45		tính chất chia hết của một hiệu 33
	phần tử thuộc tập hợp 7		tính chất chia hết của một tích 34
P	phép chia có dư 21		tính chất chia hết của một tổng 33
	phép chia hết 20		tổng 16
	phép chia hết hai số nguyên 87		trục đối xứng 108
	phép chia số tự nhiên 20		trục số 68
	phép cộng các số nguyên 73		

CHƯƠNG I: SỐ TỰ NHIÊN

- ❖ Tập hợp;
- ❖ Tập hợp các số tự nhiên;
- ❖ Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên;
- ❖ Quan hệ chia hết;
- ❖ Số nguyên tố;
- ❖ Ước chung và bội chung.



§ 1: TẬP HỢP



NỘI DUNG

- TIẾT 1:**
- Một số ví dụ về tập hợp
 - Kí hiệu và cách viết tập hợp

- TIẾT 2:**
- Phần tử thuộc tập hợp
 - Cách cho một tập hợp

CHƯƠNG I: SỐ TỰ NHIÊN

...

Bài 1: Tập hợp (Tiết 1)

...



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Hãy chọn ra một bộ sưu tập tem (bao gồm các con tem cùng một chủ đề) mà em thích



(1)



(2)



(3)



(4)



(5)



(6)



(7)



(8)



(9)



(10)

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Kết quả: Ta có thể phân chia 10 con tem theo 3 chủ đề sau:



(1)

(2)

(8)

CĐ1: Hình ảnh Bác Hồ



(4)

(7)

(10)

CĐ2: Các loài hoa



(3)

(5)

(6)

(9)

CĐ3: Danh lam thắng cảnh

§ 1: TẬP HỢP

1. Một số ví dụ về tập hợp

- Tập hợp các con tem hình hoa.



Tập hợp A các con tem hình hoa

- Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 10.



Tập hợp B các số tự nhiên nhỏ hơn 10

- Tập hợp các loại bút của bạn An.



Tập hợp C các loại bút của bạn An



§ 1: TẬP HỢP

2. Kí hiệu và cách viết tập hợp

(SGK trang 5)



Người ta thường dùng các chữ cái in hoa để đặt tên cho tập hợp.

Ví dụ: Tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5.

Ta viết: $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$.

Các số 0; 1; 2; 3; 4 được gọi là các **phần tử** của tập hợp A .

Ví dụ 1 (SGK trang 6):

Cho tập hợp $M = \{\text{bóng bàn; bóng đá; cầu lông; bóng rổ}\}$.

Hãy đọc tên các phần tử của tập hợp đó.

Giải: Tập hợp M gồm các phần tử là: bóng bàn, bóng đá, cầu lông, bóng rổ.



§ 1: TẬP HỢP

2. Kí hiệu và cách viết tập hợp

Luyện tập 1 (SGK/tr 6):

Viết tập hợp A gồm các số tự nhiên lẻ nhỏ hơn 10.

Giải: $A = \{1; 3; 5; 7; 9\}$.



Các phần tử của một tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nhọn $\{ \}$, cách nhau bởi dấu “;”.



§ 1: TẬP HỢP

2. Kí hiệu và cách viết tập hợp

Bài tập 1 (SGK / Trang 7): Liệt kê các phần tử của mỗi tập hợp sau

a) A là tập hợp tên các hình trong *Hình 3*;



Hình 3

Giải: Các phần tử của tập hợp A là: hình chữ nhật; hình vuông; hình bình hành; hình tam giác; hình thang.

b) B là tập hợp các chữ cái xuất hiện trong từ “NHA TRANG”;

Giải: Các phần tử của tập hợp B là: N; H; A; T; R; G.



§ 1: TẬP HỢP

2. Kí hiệu và cách viết tập hợp

b) B là tập hợp các chữ cái xuất hiện trong từ “NHA TRANG”;

Giải: Các phần tử của tập hợp B là: N; H; A; T; R; G.



Mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự liệt kê tùy ý.

§ 1: TẬP HỢP



Chú ý: SGK trang 5

- Các phần tử của một tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nhọn { }, cách nhau bởi dấu “;”.
- Mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự liệt kê tùy ý.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Sóc nâu hạt dẻ

Chú Sóc nâu đang cố gắng nhặt những hạt dẻ để mang về tổ. Các em hãy giúp đỡ chú Sóc bằng cách trả lời đúng các câu hỏi nhé.



Câu hỏi 1: Khi làm bài tập viết tập hợp có duy nhất một phần tử, bạn An đã viết được 4 tập hợp dưới đây. Cách nào là sai?

SAI RỒI

CHÍNH XÁC

A. $a =$

B. $A = \{a\}$

C. $A = \{A\}$

D. $A = \{0\}$



Câu hỏi 2: Tập hợp các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10 là:

**CHÍNH
ẮC**

**SAI RỒI
ỒI**

A. $M = \{0, 2, 4, 6, 8\}$

B. $M = \{2; 4; 6; 8\}$

C. $M = \{0, 2, 4, 6, 8\}$

D. $M = \{2; 4; 6; 8\}$



Câu hỏi 3: Tập hợp các chữ cái xuất hiện trong từ “CHĂM CHỈ” là:

A. $A = \{C; H; A;$

$[I; H; C; M; A\}$

C. $A = \{I; H; C; M; A; H;$

$[C; H; A; M; H; I\}$



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

PAPER



GLASS



ORGANIC



PLASTIC



Bài 3 (PBT):

Gọi M là tập hợp gồm các loại rác hữu cơ dễ phân hủy và N là tập hợp gồm các loại rác thải có thể tái chế (theo hình minh họa bên).



Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. M = thức ăn thừa; rau, củ, quả; lá cây; xác động vật
- B. M = [thức ăn thừa; rau, củ, quả; xác động vật; lá cây]
- C. N = {kim loại; cao su; thủy tinh; nhựa; giấy}
- D. N = {kim loại; cao su; thủy tinh; nhựa; giấy; nylon}**



KIẾN THỨC CẦN NHỚ

TẬP HỢP

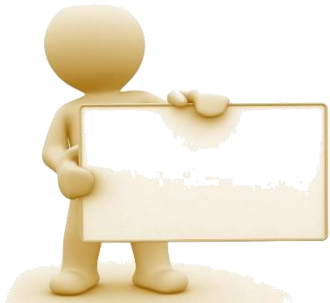
①

- Lấy ví dụ tập hợp
- Cách đọc tập hợp
- Nêu phần tử: mỗi phần tử liệt kê một lần, thứ tự tùy ý.

②

Đặt tên: Chữ cái in hoa.
Cách viết: Các phần tử được viết trong dấu { }, cách nhau bởi dấu “;”.





Hướng dẫn tự học ở nhà



- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.



- Lấy thêm các ví dụ tập hợp (5 VD), sau đó viết tập hợp đó.



- Hoàn thành bài tập 1 SGK trang 7.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.



Cảm ơn quý thầy cô!

